

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HOÀ
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22/11/2024

V/v "Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thanh Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Phúc và ông Giáp Văn Cường.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về: "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2024, giữa:

- Nguyên đơn: **Tống Thị K** - Sinh năm 1976.

- Bị đơn: **Nông Văn H** - Sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện Q, Cao Bằng.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Nông Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến tháng 7 năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cho nên vợ chồng sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn anh Nông Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nông Văn H1 - sinh ngày 02/10/2005 đã đủ 18 tuổi và Nông Thị H2 - sinh ngày 05/01/2007. Tôi có

nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh Hải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn Nông Văn H trình bày: Về điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị K trình bày. Tôi nhất trí ly hôn.

Về con chung: Nhất trí để chị K trực tiếp nuôi Nông Thị H2 - sinh ngày 05/01/2007, tôi không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng các bên vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị ly hôn. Do các bên đương sự không đăng ký kết hôn, cho nên Tòa phải mở phiên tòa để xét xử theo thủ tục tố tụng.

[4] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xét xử vắng mặt và có nguyện vọng thuận tình ly hôn, do đó Tòa án sẽ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các Điều 28, 35, 68, 70-72, 93-98, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy vợ chồng anh Nông Văn H và chị Tống Thị K chung sống với nhau không đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hóa giải nên các bên đều mong muốn thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Khi thụ lý vụ án do chưa có đầy đủ thông tin và tài liệu (do đương sự không thể cung cấp trước khi thụ lý vụ án) cho nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật “yêu cầu ly hôn” là chưa đúng. Quá trình giải quyết vụ án, khi đã có đủ tài liệu chứng minh, do đó cần xác định quan hệ pháp luật “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” mới đúng. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị Kiều với anh Nông Văn Hải chung

sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn. Nay xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng sống ly thân, các bên mong muốn thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên mong muốn thuận tình ly hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tống Thị K, để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị K với anh Nông Văn H.

2.2. Về con chung: Hai bên thỏa thuận chị Tống Thị Kiều trực tiếp nuôi cháu Nông Thị Huyền - sinh ngày 05/01/2007 đến khi đủ 18 tuổi, anh Nông Văn H không cấp dưỡng. Cháu Nông Văn H1 - sinh ngày 02/10/2005 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 205, 206, 227, 228, 238, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tống Thị K với bị đơn Nông Văn H. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị K với anh Nông Văn H.

[2] Về con chung: Giao cháu Nông Thị H2 - sinh ngày 05/01/2007 cho chị Tống Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Nông Văn H không cấp dưỡng.

Các bên có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: chị Tống Thị K phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0002402 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị K đã nộp đủ án

phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THA DS huyện QH;
- UBND thị trấn Hòa Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp